

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày: 11/6/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Hồng Sâm

Bà Cao Thị Thu Nga

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa:**
Bà Đinh Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP V (V1); địa chỉ trụ sở: số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị V1.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí D: Ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý.

Đại diện tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1999; chức vụ: chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ liên hệ: A T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP V (V1): Công ty cổ phần M, địa chỉ trụ sở: tầng 15, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội;*

Đại diện tham gia tố tụng: Ông Hoàng Vũ L – Cán bộ xử lý nợ; đại chỉ: tầng 2, V1, số E, đường T, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

3. *Bị đơn:*

Anh Vũ Văn T1, sinh năm 1998; địa chỉ: tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt không có lý do).

Chị Phạm Thị Quỳnh D1, sinh năm 2003; địa chỉ: tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn do người đại diện tham gia tố tụng là anh Trần Quốc T2 trình bày:

Giữa V1 và anh Vũ Văn T1, chị Phạm Thị Quỳnh D1 đã ký kết 01 hợp đồng cho vay số LN2210277239029 ngày 02/11/2022, số tiền cho vay là 310.000.000 đồng; thời hạn cho vay là 84 tháng (tính từ ngày 02/11/2022 đến ngày 02/11/2029), lãi suất trong hạn là 12,75%/năm (cố định trong thời hạn 12 tháng), sau 12 tháng thì lãi suất được điều chỉnh theo chu kỳ mà hằng quý. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ khoản vay, anh T1 và chị D1 đã thế chấp xe 01 xe oto nhãn hiệu FOTON, số loại OLLIN-S700, biển số đăng ký 73H-011.13, có số khung RNHA65FFANT067408, số máy 4J28TCN006223 theo giấy chứng nhận đăng ký xe cấp ngày 02/11/2022 theo hợp đồng thế chấp LN2210277239029 ký ngày 02/11/2022.

Vào ngày 02/11/2022, V1 đã giải ngân toàn bộ số tiền vay với số tiền 310.000.000 đồng cho anh T1 và chị D1.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, anh T1, chị D1 đã trả được số tiền gốc là 74.000.000 đồng. Anh T1 và chị D1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 05/8/2024 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Phía V1 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về thời gian thanh toán nhưng anh T1 và chị D1 vẫn không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ nợ cho V1. Do đó, V1 khởi kiện tại Tòa án các yêu cầu sau:

(1) Ngân hàng TMCP V yêu cầu anh T1 và chị D1 phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ với V1, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng cho vay số LN2210277239028 ngày 02/11/2022 tính đến

ngày 17/01/2025 với số tiền nợ gốc là 236.000.000 đồng; nợ lãi là 16.396.425 đồng. Tổng cộng là 252.396.425 đồng.

(2) Ngân hàng TMCP V được tiếp tục tính lãi suất theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế anh T1, chị D1 thanh toán hết nợ cho V1.

(3) Trường hợp anh T1, chị D1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của anh T1, chị D1 để thu hồi nợ là: 01 xe oto nhãn hiệu FOTON, số loại OLLIN-S700, biển số đăng ký 73H-011.13, có số khung RNHA65FFANT067408, số máy 4J28TCN006223 theo giấy chứng nhận đăng ký xe cấp ngày 02/11/2022. Chi tiết Hợp đồng thế chấp ký ngày 02/11/2022 tại V1 giữa anh T1, chị D1 và Ngân hàng V1. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của anh T1 và chị D1. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp đã ký. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản.

Ngày 10/6/2025, Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa nhận được tài liệu, chứng cứ của đại diện Công ty cổ phần M. Tại hợp đồng mua bán nợ số 15/2025/VPB-JUPITER ngày 26/4/2025 thể hiện ngân hàng TMCP V đã bán 95% của nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh theo hợp đồng tín dụng và các văn kiện liên quan. Còn 5% của nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác và toàn bộ nợ lãi còn lại phát sinh theo hợp đồng tín dụng, văn kiện tín dụng liên quan vẫn thuộc của ngân hàng TMCP V.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Đại diện cho Công ty cổ phần M do anh Hoàng Vũ L trình bày: Giữa V1 và anh T1, chị D1 có xác lập giao dịch dân sự thông qua hợp đồng số LN2210277239029 ngày 02/11/2022 và hợp đồng thế chấp số LN2210277239029 ký ngày 02/11/2022 như phía Ngân hàng TMCP V đã cung cấp cho Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Việc ký kết các hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, thể hiện ý chí và mong muốn của các bên. Hiện tại, V1 đang giữ giấy chứng nhận đăng ký xe oto số 73 000143 do Công an huyện M cấp ngày 02/11/2022 đối với xe ô tô nhãn hiệu FOTON, biển số đăng ký 73H-011.13, tên chủ xe: Vũ Văn T1. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đưa tư cách tham gia tố tụng của Công ty cổ phần M là đồng nguyên đơn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, phía anh T1 và chị D1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, sau khi V1 khởi kiện tại Tòa án thì phía anh T1 chị D1 đã trả thêm 01 phần tiền nợ cho V1 cụ thể với tổng số tiền tính đến ngày 11/6/2025 là

234.471.604 đồng (trong đó, trả nợ gốc là 150.194.000 đồng; nợ lãi là 84.277.604). Do đó, phía anh T1 và chị D1 còn nợ V1 tổng số tiền là: 167.050.982 đồng. Do anh T1 và chị D1 đã vi phạm nghĩa vụ, nên V1 quyết định thu hồi toàn bộ số nợ.

Ngày 26/4/2025, ngân hàng TMCP V đã bán 95% của nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khách phát sinh theo hợp đồng tín dụng và các văn kiện liên quan cho Công ty cổ phần M.

Tính đến ngày 11/6/2025, phía anh T1 và chị D1 còn phải trả nợ cho Công ty cổ phần M với tổng dư nợ là: 158.698.433 đồng (nợ gốc là 151.815.700 đồng; nợ lãi trong hạn 1.541.033 đồng; nợ lãi quá hạn 5.322.406 đồng; lãi chậm trả 19.294 đồng).

Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo thu hồi nợ cho Công ty cổ phần M và ngân hàng TMCP V theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Điều 147, 227, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 357, 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V: Buộc anh Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị Quỳnh D1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V tương ứng 5% nợ gốc và lãi của khoản theo hợp đồng cho vay số LN2210277239029 ngày 02/11/2022 tính đến ngày 11/6/2025 như sau: Tổng số tiền là 8.352.549 đồng, trong đó: nợ gốc là: 7.990.300 đồng; buộc anh Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị Quỳnh D1 có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần M tương ứng 95% nợ gốc và lãi của khoản theo hợp đồng cho vay số LN2210277239029 ngày 02/11/2022 tính đến ngày 11/6/2025 như sau: tổng dư nợ là: 158.698.433 đồng; chị D1 và anh T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng V1 khởi kiện yêu cầu anh Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị Quỳnh D2 trả nợ theo hợp đồng cho vay số LN2210277239029 ngày 02/11/2022 mà các bên đã ký kết; chủ thể tham gia giao dịch dân sự là anh Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị Quỳnh D1 không có đăng ký kinh doanh nên đây là tranh chấp dân sự. Đồng thời, anh Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị Quỳnh D1 có nơi cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Minh

Hóa thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Đối với bị đơn là anh Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị Quỳnh D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án và không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Đồng thời, tại phiên tòa, anh T1, chị D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 và chị D1.

[1.3] Tại phiên tòa, Công ty cổ phần M cho rằng, phía ngân hàng đã bán 95% khoản nợ cho Công ty cổ phần M, nên Công ty cổ phần M yêu cầu giải quyết các yêu cầu khởi kiện theo quy định của pháp luật để đảm bảo thu hồi nợ cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng V1. Việc mua bán nợ giữa Ngân hàng V1 và Công ty cổ phần M là sự tự nguyện của các bên, không vượt quá phạm vi khởi kiện, không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để giải quyết.

Đối với yêu cầu đưa Công ty cổ phần M tham gia tố tụng với tư cách là đồng nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân, không chấp nhận yêu cầu này của Công ty cổ phần M, Công ty cổ phần M tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP V (V1).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của V1 buộc anh Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị Quỳnh D1 có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tính đến ngày 11/6/2025 với 5% của khoản nợ tương ứng tổng số tiền là 8.352.549 đồng, trong đó: nợ gốc là: 7.990.300 đồng; nợ lãi trong hạn: 81.107 đồng; nợ lãi quá hạn là 280.127; lãi chậm trả: 1.015 đồng theo hợp đồng cho vay số LN2210277239029 ngày 02/11/2022, hợp đồng mua bán nợ số 15/2025/VPB-JUPITER ngày 26/4/2025 giữa ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M. Ngân hàng TMCP V được tiếp tục tính lãi suất theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế anh T1, chị D1 thanh toán hết nợ cho V1.

Hội đồng xét xử xét thấy: V1 đã căn cứ vào hợp đồng cho vay đã được ký kết giữa V1 và anh T1, chị D1 để yêu cầu anh T1, chị D1 có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi phát sinh theo thỏa thuận do anh T1, chị D1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Xét đây là hợp đồng vay, có lãi suất, có kỳ hạn. Mặc dù thời hạn cho vay vẫn còn, tuy nhiên, phía bị đơn đã vi phạm thỏa thuận trả nợ tại điểm 8 Điều 1 của hợp đồng cho vay số LN2210277239029 ngày 02/11/2022. Do đó, phía V1 hoàn toàn có căn cứ khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn, chấm dứt cho vay. Việc xác lập Hợp đồng cho vay, hợp đồng thế chấp trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức

của Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, Hợp đồng hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo Hợp đồng đã giao kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 05/8/2024, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 11/6/2025, anh T1 và chị D1 đã thanh toán được khoản tiền gốc là 150.194.000 đồng, tiền lãi là 84.277.604 đồng thì không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận, làm phát sinh nợ quá hạn. Do đó, việc V1 yêu cầu anh T1, chị D1 có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ tiền gốc và tiền lãi phát sinh tương ứng cho đến khi trả hết nợ là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng cho vay mà các bên đã giao kết; phù hợp với các Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ theo hợp đồng mua bán nợ số 15/2025/VPB-JUPITER ngày 26/4/2025 giữa ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M, phía bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ tương ứng 5% khoản nợ gốc và lãi phát sinh cho ngân hàng TMCP V, đồng thời phải tiếp tục chịu lãi suất từ ngay sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết toàn bộ nợ cho ngân hàng TMCP V tương ứng với 5% giá trị khoản nợ. Phía bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ tương ứng 95% khoản nợ gồm nợ gốc, và nợ lãi phát sinh cho Công ty cổ phần M, đồng thời phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngay sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ tương ứng với 95% giá trị khoản nợ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V1 đối với yêu cầu anh T1, chị D1 có nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng TMCP V (5% giá trị khoản nợ) và Công ty cổ phần M (95% giá trị khoản nợ), đồng thời, bị đơn phải tiếp tục tính lãi suất theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế anh T1, chị D1 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M.

[2.2] Xét yêu cầu của V1 về trường hợp anh T1, chị D1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của anh T1, chị D1 để thu hồi nợ là: 01 xe oto nhãn hiệu FOTON, số loại OLLIN-S700, biển số đăng ký 73H-011.13, có số khung RNHA65FFANT067408, số máy 4J28TCN006223 theo giấy chứng nhận đăng ký xe cấp ngày 02/11/2022. Hợp đồng thế chấp ký ngày 02/11/2022 tại V1 giữa anh T1, chị D1 và Ngân hàng V1, số hợp đồng LN22102772. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh T1 và chị D1. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp đã ký. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, phía nguyên đơn cung cấp bản sao hợp đồng thế chấp với nội dung tài sản thế chấp là xe oto nhãn hiệu FOTON, số loại OLLIN-S700, biển số đăng ký 73H-011.13, có số khung

RNHA65FFANT067408, số máy 4J28TCN006223 theo giấy chứng nhận đăng ký xe cấp ngày 02/11/2022; nghĩa vụ được bảo đảm là việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và khoản phí, các khoản phí ...

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện hiện trạng xe ô tô hiện đang có tại nơi cư trú của anh T1 và chị D1 tại tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, không phát sinh tranh chấp với người thứ ba, xe nguyên vẹn.

Hợp đồng thế chấp được các bên thực hiện trên cơ sở tự nguyện, lập thành văn bản theo đúng hình thức quy định. Vì vậy yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn vị phạm nghĩa vụ trả nợ thuộc điểm a khoản 1 Điều 8 của hợp đồng thế chấp. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể không trả nợ gốc và lãi đúng kỳ hạn, do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của V1 về xử lý tài sản thế chấp.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[3.1] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng V1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3.2] Anh Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị Quỳnh D1 có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng V1 theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[3.3] Do yêu cầu khởi kiện của V1 được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do Ngân hàng TMCP V đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.000 đồng nên Anh Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị Quỳnh D1 có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 280, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 357, 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự;

Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 7 và Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc anh Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị Quỳnh D1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V tương ứng 5% nợ gốc và lãi của khoản theo hợp đồng cho vay số LN2210277239029 ngày 02/11/2022 tính đến ngày 11/6/2025 như sau:

Tổng số tiền là 8.352.549 đồng, trong đó: nợ gốc là: 7.990.300 đồng; nợ lãi trong hạn: 81.107 đồng; nợ lãi quá hạn là 280.127; nợ lãi chậm trả: 1.015 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M.

Buộc anh Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị Quỳnh D1 có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần M tương ứng 95% nợ gốc và lãi của khoản theo hợp đồng cho vay số LN2210277239029 ngày 02/11/2022 tính đến ngày 11/6/2025 như sau: tổng dư nợ là: 158.698.433 đồng, trong đó: nợ gốc là 151.815.700 đồng; nợ lãi trong hạn 1.541.033 đồng; nợ lãi quá hạn 5.322.406 đồng; nợ lãi chậm trả 19.294 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/6/2024) khách hàng vay (hoặc bên phải thi hành) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị Quỳnh D1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M, tài sản bảo đảm là: 01 xe oto nhãn hiệu FOTON, số loại OLLIN-S700, biển số đăng ký 73H-011.13, có số khung RNHA65FFANT067408, số máy 4J28TCN006223 theo giấy chứng nhận đăng ký xe cấp ngày 02/11/2022.

4. Về chi phí tố tụng: Anh Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị Quỳnh D1 có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị Quỳnh D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 8.352.000 đồng (làm tròn số).

Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền 6.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000678 ngày 20/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị Quỳnh D1 được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh